

Phẩm 18: BA MƯƠI BẢY **PHẨM TRỢ ĐẠO CỦA ĐỊA BỒ TÁT**

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hổ thẹn? Hổ thẹn có hai thứ: Một là tánh. Hai là nhân duyên. Tánh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết chỗ làm là phi pháp, sợ hãi quả báo ác nên sinh tâm hổ thẹn. Nhân duyên tức là Bồ-tát đối với việc tự làm ác, sợ mọi người biết nên sinh lòng hổ thẹn. Tánh hổ thẹn tức chẳng phải nhân duyên mà được, như tánh Bồ-tát. Bồ-tát tu hổ thẹn là từ nhân duyên mà được, như tám chánh đạo. Hổ thẹn có bốn thứ: Một là không nên làm mà làm nên sinh hổ thẹn. Hai là việc nên làm mà không làm nên sinh hổ thẹn. Ba là tâm tự sinh nghi nên sinh hổ thẹn. Bốn là đối với tội che giấu sợ người khác biết nên sinh hổ thẹn.

Thế nào gọi là Bồ-đề tát đỏa? Tát đỏa gọi là dũng mãnh không sợ hãi. Tánh của Bồ-tát có lực mạnh. Do tánh mạnh nên có thể điều phục phiền não không tùy theo tâm, có thể nhẫn chịu các khổ, các sự sợ hãi, tuy có sợ hãi nhưng không lay động. Bồ-tát hiện có pháp thiện trang nghiêm, gọi là tánh dũng mãnh, nên gọi là Bồ-đề Tát đỏa. Tánh dũng mãnh của Bồ-tát có năm nhân duyên: Một là các thứ sinh tử khổ. Hai là chúng sinh làm các thứ nghiệp ác. Ba là ở trong vô lượng đời vì lợi ích của chúng sinh mà thọ vô lượng khổ. Bốn là chí tâm kiên trì giới cấm của Bồ-tát. Năm là chí tâm nghe thọ pháp sâu xa.

Bồ-tát Ma-ha-tát có năm nhân duyên, vì các chúng sinh chịu khổ lớn, tâm không sầu não: Một là do có sức mạnh lớn. Hai là tu tập không ưu sầu. Ba là dũng mãnh tinh tấn, có phương tiện tốt. Bốn là trí tuệ dũng mãnh. Năm là chuyên niệm tu tâm bi. Tại sao Bồ-tát hiểu biết sách vở thế gian? Bồ-tát khéo biết về phương thuật ở thế gian, biết chữ biết câu, biết lời biết nghĩa, tâm miệng hòa hợp, chuyên ý thọ trì. Đây gọi là Bồ-tát biết pháp biết nghĩa, do biết pháp biết nghĩa nên có thể vì mọi người thuyết giảng. Do nhân duyên thuyết giảng nên pháp trí nghĩa trí đều được tăng trưởng. Đây gọi là văn tuệ tư tuệ. Do nhân duyên văn tuệ tư tuệ nên pháp trợ Bồ-đề được tăng trưởng. Thế nào gọi là Bồ-tát biết thế gian? Thế gian có hai thứ: Một là thế gian của chúng sinh. Hai là khí thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét thế gian của chúng sinh, cho nên kinh nói: Hành khổ nơi thế gian thọ ở sinh tử. Không biết sinh tử không được giải thoát. Như Lai khéo biết về thế gian của chúng sinh, nên kinh nói: Chúng sinh có năm trước: Một là mạng trước. Hai là chúng sinh trước. Ba là phiền não trước. Bốn là kiến trước. Năm là kiếp

trước. Như nay mạng người sống không đủ trăm năm. Đây gọi là mạng trước. Như nay chúng sinh không thể hiểu dưỡng đối với cha mẹ, các bậc sư trưởng, Hòa thượng, Sa-môn, phạm hạnh, không theo nghĩa mà làm, không sợ quả báo nơi hiện tại và đời vị lai, không ưa bố thí, không thích phước đức, không ưa thọ trai trì giới tinh tấn. Đây gọi là chúng sinh trước. Như chúng sinh do phiền não mà giết hại cha mẹ, đối với cha mẹ anh chị em, thân thuộc cưỡng làm chuyện phi pháp, vì cùng chúng sinh làm nhân duyên ác, nên cất chứa cung nỏ dao gậy giáo mác, có nhiều chúng sinh nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa, như vậy các điều ác vô lượng, lúc phiền não bất thiện khởi lên. Đây gọi là phiền não trước. Như nay chúng sinh phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, vì vậy nên phá hoại chánh pháp, làm tăng trưởng tà pháp, vô lượng chúng sinh tu tập tà kiến. Đây gọi là kiến trước. Như vào thời ác, chúng sinh ác, có ba thứ nội ác kiếp khởi: Một là nội kiếp đói kém. Hai là nội kiếp bệnh dịch. Ba là nội kiếp binh đao. Đây gọi là kiếp trước. Trên đây là nói về Bồ-tát biết thế gian của chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát biết khí thế gian, tức là Bồ-tát khéo biết nhân duyên thành hoại của khí thế gian. Cho nên kinh nói: Nầy Ca-chiên-diên! Như Lai khéo biết thế gian, biết thế gian nhân, biết thế gian diệt, biết thế gian đạo, biết thế gian mùi vị, biết thế gian khổ, biết thế gian giải thoát. Nầy Ca-chiên-diên! Sáu nhập, năm ấm, và bốn đại gọi là thân người, do thân người tùy thế gian tác tướng nên gọi đó là ngã, gọi là chúng sinh, gọi là thọ mạng, gọi là sĩ phu, gọi là A, B, danh tự như vậy tánh không chân thật, nhân nơi phiền não nên chúng sinh nói ta thấy ta nghe, ta biết, thấy nghe biết cũng không chân thật. Lưu hành khắp các danh tánh, thức ăn, thọ khổ, thọ vui, sống lâu, chết sớm như vậy, đây gọi là lưu hành khắp. Lưu hành khắp thì gọi là tướng, không gọi là chân thật. Như Lai khéo biết thế gian chúng sinh và khí thế gian, nên gọi là Như Lai khéo biết về thế gian. Bồ-tát nếu thấy người hơn mình về tuổi tác, phước đức, nên cung kính thăm hỏi, sắp đặt giường tòa, hoặc thấy người có tuổi và phước đức bằng mình, trước thăm hỏi bằng lời khiêm nhường, chấp tay cùng ngồi, không sinh tâm kiêu mạn, nghĩ ta hơn người kia. Nếu thấy người có tuổi tác và phước đức nhỏ hơn mình, cũng thăm hỏi và khuyến khích họ, về phước đức, dạy thực hành pháp thiện, tâm không khinh chê, giả sử họ có tội, trọn không chỉ trích, tùy theo vật cần dùng để cung cấp. Bồ-tát đối với chúng sinh hạng thượng, trung, hạ đều dùng lời nhẹ nhàng, đem pháp thiện mà

giáo hóa, dùng thức ăn, dùng pháp mà thân giữ, thân khẩu ý nghiệp suy nghĩ thiện đều hồi hướng cho chúng sinh, thường nghĩ như vậy: Nguyên ta và các chúng sinh không tạo nhân duyên ác, đối với chúng sinh không khởi tưởng oán, thường nghĩ là thân thuộc, không có tâm sân hận. Giả sử có người sân thì không để bụng, nếu bị đánh đập phải quán xét pháp giới, thân khẩu ý nghiệp thường tự thận trọng. Đây đủ mười bốn việc: Đó là sáu phương tiện, bốn tri thức ác, bốn tri thức thiện. Như kinh Thiện Sinh chép: Thường có thể tạo lợi ích cho đời này đời sau, có thể cầu của cải, được rồi có thể giữ gìn, cuộc sống đầy đủ, có thể làm việc phước đức, không tham lam, không bủn xỉn, không làm huyền thuật mê hoặc người đời, trì giới biết xấu hổ, có người giao phó việc không để họ sinh nghi, thấy chúng sinh như thấy chân thật, thường gần bạn lành, trị nước an dân, khuyên dùng mười điều thiện, thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, biết thì nói biết, hiểu thì nói hiểu, cho nên Bồ-tát gọi là hiểu biết về thế gian.

Thế nào gọi là Bồ-tát học tứ y? Bồ-tát y nơi nghĩa không y nơi chữ. Bồ-tát nghe pháp không vì y nơi chữ, chỉ vì y nơi nghĩa. Bồ-tát Ma-ha-tát y pháp không y người. Nghĩa là biết pháp và phi pháp, biết pháp như vậy là do Phật thuyết, hoặc trưởng lão thuyết, hoặc chúng Tăng thuyết, nếu là phi pháp, tuy nghe Phật thuyết nhưng tâm không sinh tin. Lại có pháp chẳng phải Phật thuyết, chẳng phải trưởng lão hay chúng Tăng thuyết, tuy vậy nhưng đây là pháp tướng thì nghe rồi tin thọ. Bồ-tát Ma-ha-tát y kinh liễu nghĩa, không y nơi kinh không liễu nghĩa. Y kinh liễu nghĩa là không thể động không thể chuyển. Kinh liễu nghĩa là không sinh tâm nghi. Bồ-tát nếu đối với kinh liễu nghĩa mà sinh tâm nghi thì có thể lay chuyển. Bồ-tát y trí không y thức. Vì sao? Người tu trí tuệ gọi là trí tịnh, cho nên Bồ-tát hiểu nghĩa sâu xa, nếu đối với nghĩa sâu xa chưa được hiểu, cũng trọn không sinh phỉ báng. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu bốn thứ y. Bồ-tát thành tựu bốn thứ y như vậy, hiểu biết rõ về đạo thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát lại có bốn đạo, do bốn đạo nên biết tất cả giới, được trí vô ngại. Bốn đạo tức bốn trí vô ngại. Biết tất cả pháp giới, gọi là pháp trí vô ngại. Nếu biết tất cả pháp tánh trí vô ngại không có trí điên đảo, gọi là nghĩa trí vô ngại. Bồ-tát nếu biết danh tự của tất cả các pháp, gọi là từ trí vô ngại, Bồ-tát nếu biết tất cả pháp giới, tất cả danh tự pháp, tất cả nghĩa pháp nói không cùng tận, thì gọi là nhạo thuyết trí vô ngại trí. Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, biết phương tiện của năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, phương tiện mười hai nhân duyên, phương tiện thị xứ phi xứ, Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, tự biết

rõ ràng đạo Bồ-đề, lại có thể vì người mà phân biệt thuyết giảng.

Thế nào gọi là trang nghiêm Bồ-đề? Trang nghiêm Bồ-đề có hai thứ: Một là công đức trang nghiêm. Hai là trí tuệ trang nghiêm, như trong phẩm tự lợi lợi tha đã nói. Nếu Bồ-tát vào a-tăng-kỳ kiếp đầu tu tập hai thứ trang nghiêm như vậy, gọi là hạ trang nghiêm, nếu vào a-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu tập, gọi là trung trang nghiêm, vào a-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu tập, gọi là thượng trang nghiêm.

Thế nào Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, được trí phương tiện, do trí phương tiện nên tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cũng chưa được chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng, cũng biết phẩm tu đạo của hàng Nhị thừa, biết hàng Nhị thừa như trong phẩm đầu đã thuyết.

Thế nào gọi là biết Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ-tát quán thân tuần tự thân quán, lúc quán như vậy không đắm vào tướng thân, không nghĩ tướng không, cũng biết thân này là không thể nêu bày. Đây gọi là quán thân đệ nhất nghĩa. Vì lưu hành khắp nên gọi tên là thân. Ngoài thân ra ba mươi sáu phẩm còn lại cũng như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc quán thân này không nghĩ khổ, không nghĩ tập, không nghĩ diệt, không nghĩ đạo là nhân duyên của diệt. Vì sao? Vì pháp giới là không thể nêu bày. Nếu Bồ-tát có thể biết khổ tập diệt đạo như thế, tức gọi là tu tập ba mươi bảy phẩm đệ nhất nghĩa, vì lưu hành khắp cho nên nói khổ tập diệt đạo. Nếu Bồ-tát biết không dùng giác quán để quán xét ba mươi bảy phẩm, thì gọi là chỉ. Nếu Bồ-tát biết pháp giới là chân thật, không thể nêu bày, đây gọi là quán. Xa-ma-tha của Bồ-tát có bốn thứ: Một là Xa-ma-tha đệ nhất nghĩa. Hai là Xa-ma-tha kỳ hạn. Ba là Xa-ma-tha chân thật. Bốn là Xa-ma-tha lìa phiền não oán, Bồ-tát đầy đủ bốn thứ Xa-ma-tha, biết tất cả pháp giới, vì nhằm đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát tu Tỳ-bà-xá-na (quán) có bốn thứ: Một là cùng thực hành với bốn thứ Xa-ma-tha. Hai là xa lìa điên đảo. Ba là phân biệt vô lượng pháp giới. Bốn là biết pháp giới vô ngại, Bồ-tát tu tập bốn thứ Tỳ-bà-xá-na này, vì cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có phương tiện khéo léo? Phương tiện khéo léo có mười hai thứ: Nội sáu thứ và Ngoại sáu thứ. Sáu thứ nội, nghĩa là Bồ-tát thường khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, hiểu rõ chân thật tất cả các hành, thường ưa buộc niệm nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng, ưa chuyển sinh tử cho chúng sinh, chân thật biết phiền não, không hoại phiền não, vì đạo quả Bồ-đề vô thượng mà siêng tu tinh tấn. Đây gọi là nội phương tiện.

Sáu thứ phương tiện ngoại, nghĩa là có thể khiến người bố thí ít đạt được vô lượng phước. Người có công đức hay khiến cho tăng trưởng. Người chưa thuần thực hay khiến cho thuần thực. Người được thuần thực hay khiến được giải thoát. Người phá hoại pháp Phật có thể khiến sinh tâm tin. Người có tin rồi hay khiến tăng trưởng. Đây gọi là ngoại phương tiện.

Thế nào gọi là bố thí ít mà được vô lượng phước? Như có chúng sinh ở chỗ Bồ-tát nghe thuyết pháp rồi, đem một ít thức ăn bố thí cho chó đói, vật thí đã ít mà ruộng phước lại mông, do có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề, nên có được phước báo không thể xưng kể. Có công đức khiến được tăng trưởng, tức nếu có chúng sinh thọ tám phần trai giới, Bồ-tát lại vì họ mà phân biệt giải nói, dạy họ hồi hướng nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Nếu có chúng sinh đắm sâu nơi tà kiến, một tháng không ăn, ngày đoạn tối ăn, Bồ-tát liền vì họ tuyên giảng chánh pháp, phá trừ tâm tà, dạy họ thọ trì tám phần trai giới. Nếu có chúng sinh muốn cầu giải thoát mà không biết phương tiện, Bồ-tát vì họ mà thuyết giảng về thật nghĩa trung đạo, lia nhị biên. Nếu có chúng sinh muốn được thân cõi trời mà nhảy xuống vực sâu hoặc nhảy vào lửa, Bồ-tát vì họ nên phá trừ sự khổ như vậy, vì họ nói về trì giới, hiện đời hưởng vui, đời sau được thân cõi trời. Nếu có chúng sinh vì tịch tĩnh, mà đọc tụng giải nói bốn luận Tỳ đà, Bồ-tát liền dùng mười hai bộ kinh dạy họ khiến phân biệt suy nghĩ về ý nghĩa. Lại nữa, Bồ-tát dùng hương hoa thượng diệu hiện có trên thế gian cúng dường Tam bảo, cũng nên dạy chúng sinh khiến biết cúng dường, tự hưởng đến vô lượng chư Phật trong mười phương mà phát nguyện cúng dường, cũng dạy chúng sinh hướng đến chư Phật ở mười phương và phát nguyện cúng dường. Lại nữa, Bồ-tát thường tu niệm Phật cho đến niệm thiên, cũng dạy chúng sinh khiến tu sáu niệm. Lại nữa, Bồ-tát có nghiệp thiện về thân khẩu, hoặc nhiều hoặc ít đều thí cho chúng sinh, cũng dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát thường phát nguyện: Tất cả chúng sinh hiện có việc khổ, đều tập hợp nơi thân ta, chớ khiến người khác chịu, cũng dùng pháp này chuyển dạy cho chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát nếu có tội trong đời quá khứ cùng hiện tại, đều hướng tới chư Phật ở mười phương mà sám hối, cũng dùng pháp này dạy chúng sinh thực hành. Lại nữa, Bồ-tát từ có thể tu tập bốn tâm vô lượng, cũng dạy chúng sinh thực hành bốn tâm vô lượng, người có công đức hay khiến cho tăng trưởng, người phá hoại pháp Phật hay khiến họ sinh tín, đã sinh tín rồi hay khiến cho tăng trưởng, người

chưa thành thực khiến cho thành thực, đã thành thực rồi hay khiến được giải thoát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì bốn pháp này mà tu tập sáu việc: Một là tùy người. Hai là không chướng ngại. Ba là không lay động. Bốn là tâm tương trợ. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh. Tùy theo người khác, nghĩa là Bồ-tát trước dùng lời nhẹ nhàng tùy theo tâm họ mà nói, tùy theo sức lực của thân khẩu ý mà bố thí, khiến người kia cung kính sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm ưa nghe pháp, rồi sau đó mới thuyết giảng, tùy theo căn cơ thượng trung hạ của chúng sinh mà thuyết pháp dễ hiểu, thuyết đúng thời, thuyết theo thứ lớp, thuyết không điên đảo, thuyết lợi ích, thuyết thương xót. Nếu cần thân thông cảm ứng để hóa độ thì vì họ mà thị hiện thần thông, tóm lược có thể nói rộng, rộng có thể nói lược, có thể phá trừ lưới nghi, ban cho họ sự nhớ nghĩ, có thể mở rộng chỗ phân biệt, chỗ xuất định nhập định. Nếu có chúng sinh không hiểu nghĩa “không” thâm diệu của Như Lai, tức liền vì họ khai thị phân biệt diễn nói. Nếu có chúng sinh phỉ báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa, tức vì họ thuyết pháp khiến được điều phục.

Nếu có chúng sinh nói: “Như Lai tuyên thuyết không có tất cả pháp, không có tất cả vật, tất cả các pháp không sinh không diệt, giống như hư không, như huyễn, như mộng, như sóng nắng, như thành Càn-thát-bà, như trăng trong nước, như tiếng vang”, do không hiểu nhân duyên pháp tánh nên sinh sự sợ hãi, do sợ hãi nên sinh phỉ báng, nói chẳng phải kinh Phật, là thuyết của tà kiến. Bồ-tát Ma-ha-tát với phương tiện khéo léo, dần dần vì họ khai thị nghĩa kinh, tùy ý mà nói chẳng phải không có tất cả pháp, do tất cả pháp không thể tuyên thuyết, nên gọi là pháp không. Vì không thể tuyên thuyết tánh không thật có, nên gọi là không có vật. Như ban đầu không có bất khả thuyết, không có tánh bất khả thuyết, làm sao có thể nói có sinh có diệt, nên nói là không sinh không diệt, nếu không sinh diệt tức gọi là hư không. Như trong hư không có vô lượng sắc, có vô lượng nghiệp, các sắc các nghiệp không có chướng ngại, đó gọi là đi đứng, co, duỗi, cúi, ngưỡng. Nếu không có các sắc, các nghiệp như vậy, gọi là hư không, thì hư không không thể tuyên thuyết. Nếu nhân hư không có các sắc các nghiệp có thể tuyên thuyết, thì không được nói tánh của hư không không thể tuyên thuyết. Nếu hư không kia không thể tuyên thuyết, thì các sắc các nghiệp làm sao có thể tuyên thuyết?

Bồ-tát Ma-ha-tát được Thánh trí rồi, mới biết pháp giới không thể tuyên thuyết. Lúc ấy, Bồ-tát phá trừ tướng tà, nói tất cả pháp là có, tất cả pháp là có thể giảng nói. Bồ-tát ban đầu dùng Thánh trí như

vậy dạy cho chúng sinh, chúng sinh đạt được rồi tự thấy pháp tánh, không thể tuyên thuyết, giống như hư không, cho nên Như Lai nói tất cả pháp đồng như hư không, như huyền mộng, tánh tướng chẳng phải có chẳng phải không. Thánh nhân cũng nói chẳng phải là có chẳng phải là không. Huyền nếu là định có, thì do nhân duyên gì mà có, lúc thấy có, lúc không? Nếu định là không, thì tại sao khiến người thấy vô số các thứ tướng. Pháp của thật không, thì không nên sinh tướng. Tất cả pháp giới cũng lại như vậy. Đối với phàm phu nói có danh tướng, do có danh tướng nên không thể nói là không. Tánh của đệ nhất nghĩa do không thể tuyên thuyết nên không được nói là có. Cho nên pháp giới như huyền có hai. Vì thế Bồ-tát đối với các pháp giới, không lấy không bỏ, không tăng không giảm, thật thì biết thật cũng nói là thật. Đây gọi là Bồ-tát khéo tùy theo phương tiện.

Không có chướng ngại, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu xin, nên nói: Thiện nam! Nay nếu người có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, thì những vật cần dùng như y phục, thức ăn, giường tòa, thuốc thang, hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, ruộng vườn, phòng xá, tôi tớ, xe cộ, tiền tài, ta đều đem cho người. Nếu có chúng sinh sợ hãi ưu sầu, Bồ-tát nên nói: Nay nếu người có thể cúng dường Tam bảo, cho đến Bà-la-môn, ta sẽ cung cấp cho người y phục, thức ăn, cho đến tất cả các vật cần dùng, cũng sẽ cứu giúp việc ưu sầu lo sợ cho người. Nếu có người bệnh cũng lại nói: Nay nếu người có thể cúng dường Tam bảo cho đến Bà-la-môn, ta sẽ vì người mà tìm cầu thuốc hay, chăm sóc bệnh tốt, cho đến các vật cần dùng khiến người hết bệnh. Như vậy chúng sinh nếu có thể tin thọ lời Bồ-tát dạy, Bồ-tát sẽ làm các thứ phương tiện khiến được như ý. Nếu không tin thọ, lúc ấy Bồ-tát sẽ tu tâm xả. Nếu có tin thọ cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, trì giới, tinh tấn, điều phục khiến chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Nếu trước tin thọ lời dạy sau không nghe, Bồ-tát vì lòng thương xót nên hiện sự nổi giận, quở trách, chẳng phải thật có tâm ác, hoặc không bố thí vật thật chẳng phải hiềm hận, mà vì điều phục. Đây gọi là không chướng ngại không lay động.

Tâm tương tự tức là Bồ-tát nếu được thân tự tại, như vua, đại thần có nhiều quyền thuộc, trước xưng: Như trong phần đất của ta và người trong nhà, nếu có ai không cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc hủy giới, biếng nhác, ta sẽ không cho y phục, thức ăn, hoặc đánh mắng, bắt giam vào lao ngục, hoặc giết hoặc đuổi, giao phó cho đại thần khiến giám sát, biết ai trì giới, biết ai hủy giới,

ai có thể cúng dường cha mẹ, Tam bảo, ai không cúng dường cha mẹ, Tam bảo.

Bấy giờ, các chúng sinh vì lo sợ, cho nên xa lìa các điều ác, tu tập pháp thiện, tương tự như tâm của Bồ-tát. Đây gọi là phương tiện tương tự.

Báo ân tức là Bồ-tát thọ nhận y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, phòng xá của đàn việt, hoặc nhiều hoặc ít. Hoặc gặp sợ hãi có người giải nguy, hoặc gặp bệnh khổ có người trị liệu, hoặc nghe thuyết pháp phá trừ tâm nghi. Bồ-tát Ma-ha-tát vì nhớ đến ân, tức đều dạy họ thực hành pháp thiện. Đây gọi là báo ân. Bồ-tát thuyết pháp chúng sinh nghe rồi, tức có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, trì giới tinh tấn. Đây gọi là báo ân tịch tĩnh. Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ trong địa Bồ-đề rất ráo, tu tập đạo Bồ-đề tịch tĩnh, sinh nơi cõi trời Đâu Suất, phải biết không bao lâu sẽ hạ sinh nơi cõi Diêm-phù-đề và chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh nghe pháp rồi đều phát nguyện: Như vậy lúc Bồ-tát thành Phật, chúng ta sẽ ở trong pháp Phật ấy mà xuất gia học đạo. Bấy giờ, Bồ-tát hạ sinh cõi Diêm-phù-đề, thác sinh ở nhà Sát-lợi, Bà-la-môn, vì chúng sinh nên xả bỏ sự vui năm dục, xuất gia học đạo tu hành khổ hạnh, vì khổ hạnh mà sinh tâm cung kính, phá bỏ tâm khổ, tu hạnh khổ rồi chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, phá bỏ tâm Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác. Đã thành đạo rồi mặc nhiên mà trụ, Đế Thích Phạm thiên cùng đến khuyến thỉnh. Phạm thiên nêu bày thừa thỉnh, vì khiến cho chúng sinh sinh tâm tôn trọng đối với chánh pháp. Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh, rồi sau mới thuyết pháp. Dùng Phật nhãn quán sát, là vì phá tên gọi xấu ác, như có chúng sinh nói: Như Lai chỉ vì Phạm vương khuyến thỉnh, chẳng phải vì thương xót. Như dùng Phật nhãn quán ở chúng sinh mà chuyển pháp luân, vì phá trừ các thứ luân tà ác của chúng sinh. Chuyển pháp luân rồi tập hợp chúng chế giới, vì khiến cho chúng sinh được giải thoát. Đây gọi là phương tiện tịch tĩnh của Bồ-tát, vì khiến chúng sinh đạt được tâm tín. Người chưa vào pháp Phật khiến được vào, chúng sinh chưa thành thực khiến được thành thực, đã thành thực rồi khiến được giải thoát.

*

**